

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHI LĂNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 24-8-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Khuynh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Huệ.

Bà Hoàng Thị Lá.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh T trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thanh T kết hôn với anh Triệu Văn B trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu trong khoảng thời gian 06 tháng, sau đó được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào tháng 11 năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C,

tỉnh Lạng Sơn vào ngày 06 tháng 6 năm 2017. Sau ngày cưới chị T và anh B sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không tu chí làm ăn và có sử dụng ma túy, chị T đã khuyên bảo anh B nhiều lần nhưng anh B không thay đổi, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị T và anh B đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh B, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn B.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Thanh T và anh Triệu Văn B có 01 con chung, cháu Triệu Thị T1, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2015, hiện nay đang ở với anh B và bà Lương Thị É (mẹ đẻ anh B) tại thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Triệu Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Triệu Văn B cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai của anh B về các yêu cầu liên quan đến nội dung vụ án. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh B không có mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Toà án đã xác minh và lấy lời khai của bà Lương Thị É là mẹ đẻ của anh Triệu Văn B, bà É cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng chị T và anh B là do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, năm 2015 chị T và anh B cùng nhau đi làm Công ty ở Bắc Ninh, đến khi chị T sinh con được 03 tuổi thì vợ chồng T, B đem con về cho bà chăm sóc đến nay. Anh B vẫn về nhà thăm con và thường xuyên có mặt tại địa phương, bà É mong muốn chị T suy nghĩ lại quay về đoàn tụ để cùng anh B nuôi dạy con cái. Nếu như chị T không quay về đoàn tụ thì bà É đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Những văn bản Tố tụng của Tòa án bà É đã nhận và thông báo cho anh B.

Bà Triệu Thị B là trưởng thôn K, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Chị Hoàng Thị Thanh T và anh Triệu Văn B do kinh tế gia đình khó khăn nên cả hai vợ chồng đi làm Công ty, thỉnh thoảng về nhà và có cãi nhau, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đã xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, nơi cư trú của bị đơn, nguyện vọng của con chung, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tổng đạt hợp lệ, thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do, không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thanh T. Chị Hoàng Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị Thanh T giao nộp chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tờ tùy thân, trích lục khai sinh cháu Triệu Thị T1. Bị đơn anh Triệu Văn B không giao nộp chứng cứ cho Tòa án. Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản lấy lời khai của bà Lương Thị É, cháu Triệu Thị T1, biên bản xác minh với bà Triệu Thị B.

Về tình tiết của vụ án, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất: Chị Hoàng Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Triệu Văn B vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Về con chung, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hoà giải được do anh Triệu Văn B được thông báo hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Triệu Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn và yêu cầu phiên tòa tiếp tục xét xử. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thanh T và anh Triệu Văn B kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay, việc này đã được chị T xác nhận và phù hợp với lời khai của bà Lương Thị É là mẹ đẻ của anh B. Về phía anh Triệu Văn B được Tòa án thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ nhiều lần, cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh B không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng, Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị Thanh T và anh Triệu Văn B có 01 con chung, cháu Triệu Thị T1, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2015. Xét thấy, anh Triệu Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không thể giao con cho anh B chăm sóc được, trong khi đó chị Hoàng Thị Thanh T có thu nhập ổn định nên việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, việc này phù hợp với nguyện vọng của cháu Triệu Thị T1. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thanh T. Xử cho chị Hoàng Thị Thanh T được ly hôn với anh Triệu Văn B.

2- Về con chung: Chị Hoàng Thị Thanh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Thị T1, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2015 từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí: Chị Hoàng Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị Thanh T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003111 ngày 30 tháng 3 năm 2022.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Chi Lăng;
- UBND xã Vạn Linh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hoàng Thế Khuynh**